Bộ giảm chấn DYSR



Đặc trưng

Tổng quan liên kết dysr

- Giảm chấn thủy lực có lò xo hồi vị
- Độ cứng của đệm có thể được điều chỉnh

Biểu đồ liên kết dysr

Các sơ đồ hiển thị trong tài liệu này cũng có sẵn trực tuyến. Ở đó nó có thể hiển thị các giá trị chính xác.

Đặc điểm hình học

[Y5]	Khóa lục giác để điều chỉnh giảm chấn

Bộ giảm chấn có thể được điều chỉnh bằng ổ cắm hình lục giác trong

Mã mẫu

001	Dòng	
DYSR	Bộ giảm chấn	

002	Kích thước	
8	8 mm	
12	12 mm	
16	16 mm	
20	20 mm	
25	25 mm	
32	32 mm	

003	Hành trình [mm]	
8	8	
12	12	
20	20	
25	25	
40	40	
60	60	

004	Đặc điểm hình học	
Y5	Khóa lục giác để điều chỉnh giảm chấn	

005	Đặc điểm sản phẩm	
	Tiêu chuẩn	
T	Ren đặc biệt	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung						
Kích thước	8	12	16	20	25	32
Hành trình	8 mm	12 mm	20 mm	25 mm	40 mm	60 mm
Nguyên tắc vận hành	nhấn, tác động đơn lẻ					
Đệm	có thể điều chỉnh					
Chiều dài đệm	8 mm	12 mm	20 mm	25 mm	40 mm	60 mm
Kiểu gắn	với đai ốc khóa					
Tốc độ tác động tối đa	3 m/s					
Vị trí lắp đặt	bất kì					
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 ... 80°C					
Lớp chống ăn mòn KBK[1]	1 - ứng suất ăn mòn thấp					

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Thiết lập lại thời gian						
Kích thước	8	12	16	20	25	32
Thời gian phục hồi ở nhiệt độ phòng[1]	0,2 s		0,3 s		0,4 s	0,6 s

1) Ở nhiệt độ cao hơn (+80 °C), khối lượng tối đa và năng lượng giảm chấn phải giảm khoảng 50%.
Ở nhiệt độ thấp (-10 °C), thời gian thiết lập lại có thể lên đến 1 giây đối với DYSR-12/16 và lên đến 3 giây đối với DYSR-8/20/25/32.

Các lực						
Kích thước	8	12	16	20	25	32
Lực chèn tối thiểu[1]	18 N	38 N	66 N	110 N	155 N	175 N
Lực tác động tối đa[2]	400 N	900 N	1.600 N	2.500 N	4.000 N	6.400 N
Lực dội lại[3]	1,8 N	4,5 N	5,4 N	9 N	12,5 N	18 N

1) Lực này ít nhất phải được tác động sao cho bộ giảm chấn được ép chính xác vào vị trí cuối phía sau. Nếu có vị trí cuối ngược dòng bên ngoài, giá trị này sẽ giảm tương ứng.
2) Nếu lực dừng tối đa bị vượt quá, một điểm dừng cố định (ví dụ: YSRA) phải được gắn 0,5 mm trước khi kết thúc hành trình.
3) Lực này có thể tác động lên thanh piston ở mức tối đa để bộ giảm chấn vẫn được mở rộng hoàn toàn (ví dụ như bu lông nhô ra).

Năng lượng						
Kích thước	8	12	16	20	25	32
Mức tiêu thụ năng lượng tối đa cho mỗi hành trình	4 J	10,8 J	32 J	62,5 J	160 J	384 J
Mức tiêu thụ năng lượng tối đa cho mỗi giờ	24.000 J	60.000 J	100.000 J	135.000 J	220.000 J	330.000 J
Năng lượng dư tối đa	0,01 J	0,05 J	0,16 J	0,32 J	0,8 J	2 J

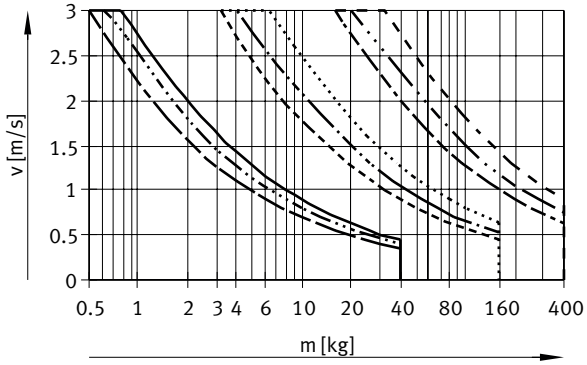
Trọng lượng						
Kích thước	8	12	16	20	25	32
trọng lượng sản phẩm	60 g	105 g	200 g	355 g	715 g	1.355 g

Trọng lượng cho DYSR-...-T			
Kích thước	12	16	20
trọng lượng sản phẩm	120 g	250 g	425 g

Vật liệu						
Kích thước	8	12	16	20	25	32
Vật liệu thanh piston	Thép hợp kim cao		thép hợp kim cao, cứng			
Vật liệu vỏ	Thép hợp kim cao	Thép mạ kẽm				
Vật liệu của phớt	NBR					
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS					
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L					

Bảng dữ liệu

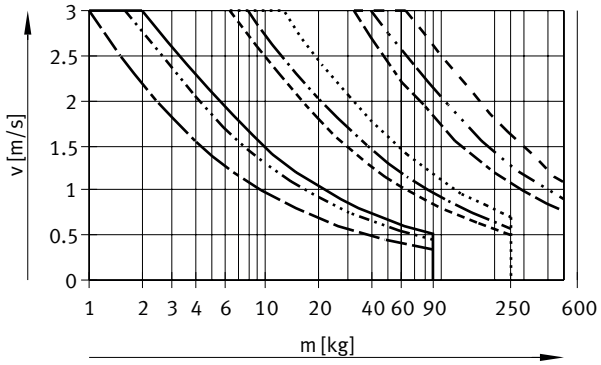
Vận tốc va đập v tùy thuộc vào khối lượng m - DYSR-8/16/25



- DYSR-8-8 = 0 N
- DYSR-8-8 = 100 N
- DYSR-8-8 = 200 N
- DYSR-16-20 = 0 N
- DYSR-16-20 = 500 N
- DYSR-16-20 = 800 N
- DYSR-25-40 = 0 N
- DYSR-25-40 = 1200 N
- DYSR-25-40 = 2000 N

Ba đường cong lực được vẽ cho mỗi bộ giảm chấn. Giá trị trung gian phải được tính trung bình.

Vận tốc va đập v tùy thuộc vào khối lượng m - DYSR-12/20/32

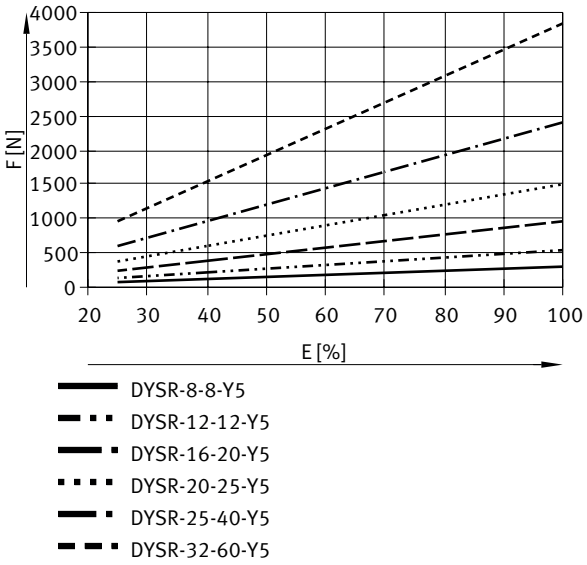


- DYSR-12-12 = 0 N
- DYSR-12-12 = 200 N
- DYSR-12-12 = 500 N
- DYSR-20-25 = 0 N
- DYSR-20-25 = 800 N
- DYSR-20-25 = 1200 N
- DYSR-32-60 = 0 N
- DYSR-32-60 = 2000 N
- DYSR-32-60 = 3000 N

Ba đường cong lực được vẽ cho mỗi bộ giảm chấn. Giá trị trung gian phải được tính trung bình.

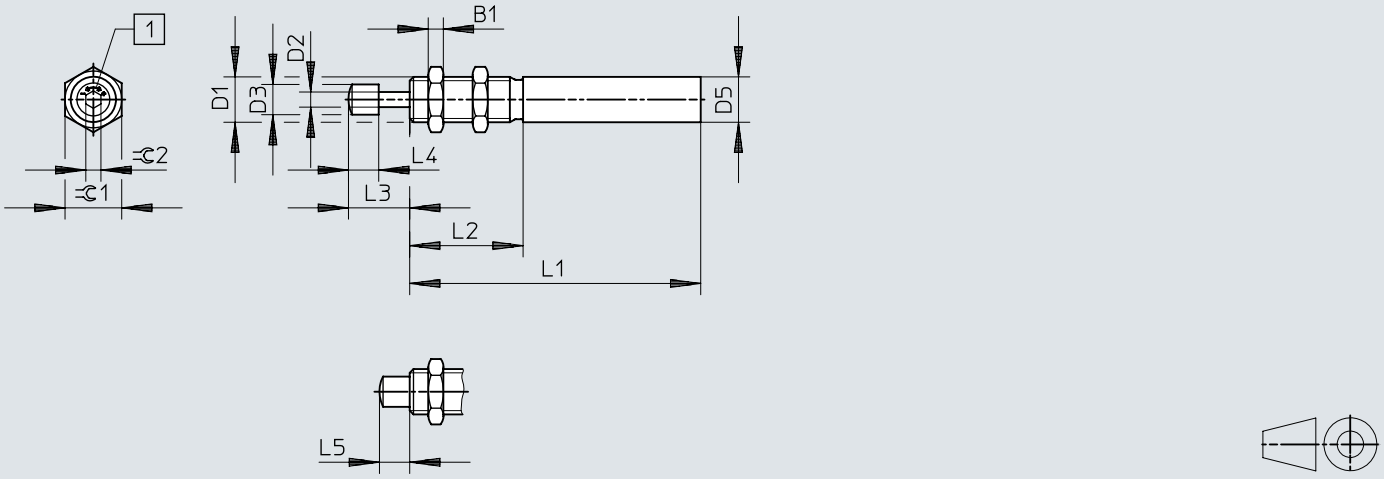
Bảng dữ liệu

Lực truyền động tối đa được đề xuất tùy thuộc vào việc sử dụng năng lượng



Kích thước

Kích thước – DYSR-8-8 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

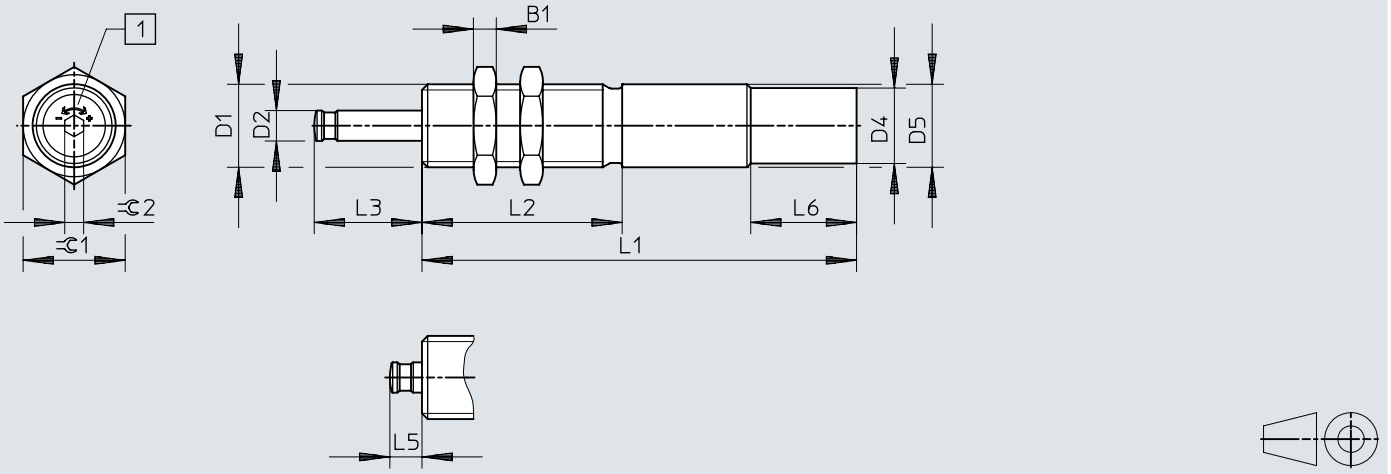


[1] Bộ đệm điều chỉnh giảm xóc (bao gồm trong phạm vi giao hàng)

	B1	D1	D2 ø	D3 ø ±0,2	D5 ø +0,15/–0,1	L1	L2 ±0,1	L3	L4 ±0,2	L5	⬡1	⬡2
DYSR-8-8-Y5	4	M12x1	4	8	12	77±0,1	30	16,2+0,6/–0,45	8	8+0,5/–0,35	15	4

Kích thước

Kích thước – DYSR-... Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

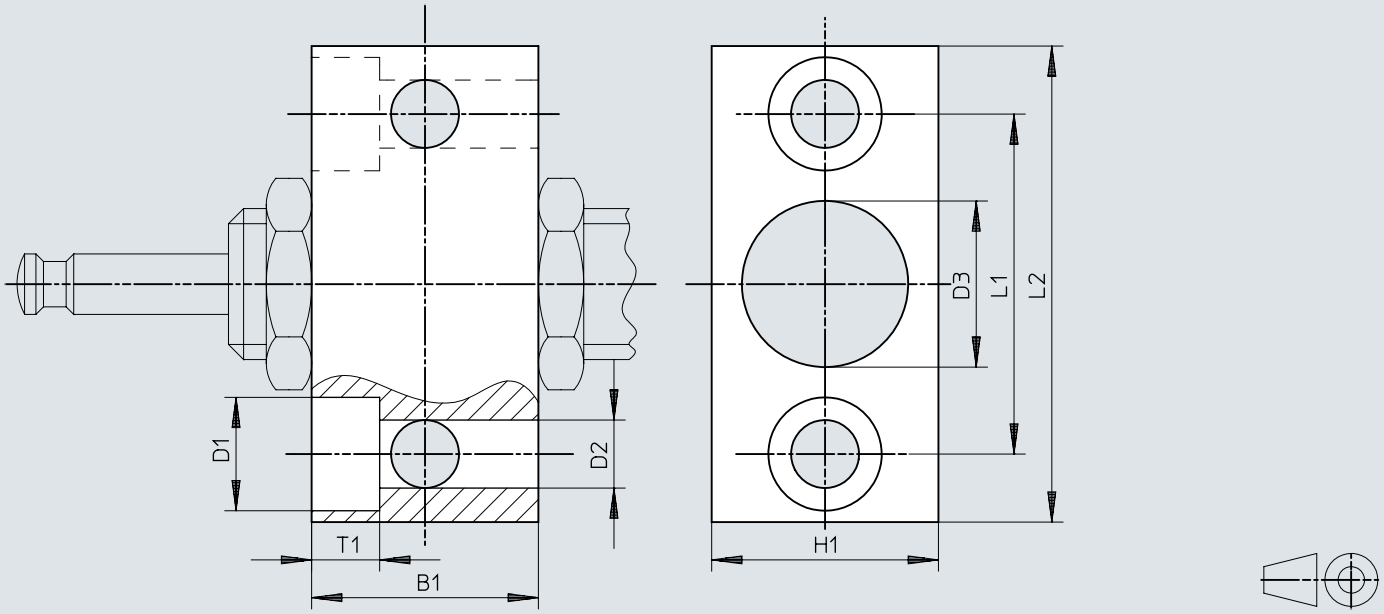


[1] Bộ đệm điều chỉnh giảm xóc YSRP (không bao gồm trong phạm vi giao hàng)

	B1	D1	D2 ⌀	D4 ⌀ +0,15	D5 ⌀ +0,15/–0,1	L1	L2 ±0,1	L3	L5	L6 ±0,2	⌀1	⌀2
DYSR-12-12-Y5	5	M15x1	6	–	15	97±0,1	36	18,4+0,35/–0,2	6,4+0,45/–0,4	–	19	5
DYSR-12-12-Y5-T		M16x1			16							
DYSR-16-20-Y5	6	M20x1,25	8	–	20	115±0,1	53	28,5+0,4/–0,3	8,5+0,45/–0,4	–	24	5
DYSR-16-20-Y5-T		M22x1,5		20	22					28	27	
DYSR-20-25-Y5	8	M24x1,25	10	–	24	138±0,1	60	35,6+0,4/–0,3	10,6+0,45/–0,4	–	30	5
DYSR-20-25-Y5-T		M26x1,5		24	26					28	32	
DYSR-25-40-Y5	10	M30x1,5	12	28,8	30	178±0,1	80	52,8+0,4/–0,3	12,8+0,45/–0,4	28	36	6
DYSR-32-60-Y5	12	M37x1,5	15	34,8	37	230±0,15	108	76+0,5/–0,4	16+0,5/–0,4	28	46	6

Kích thước

Kích thước – Đồ gá mặt bích YSRF Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

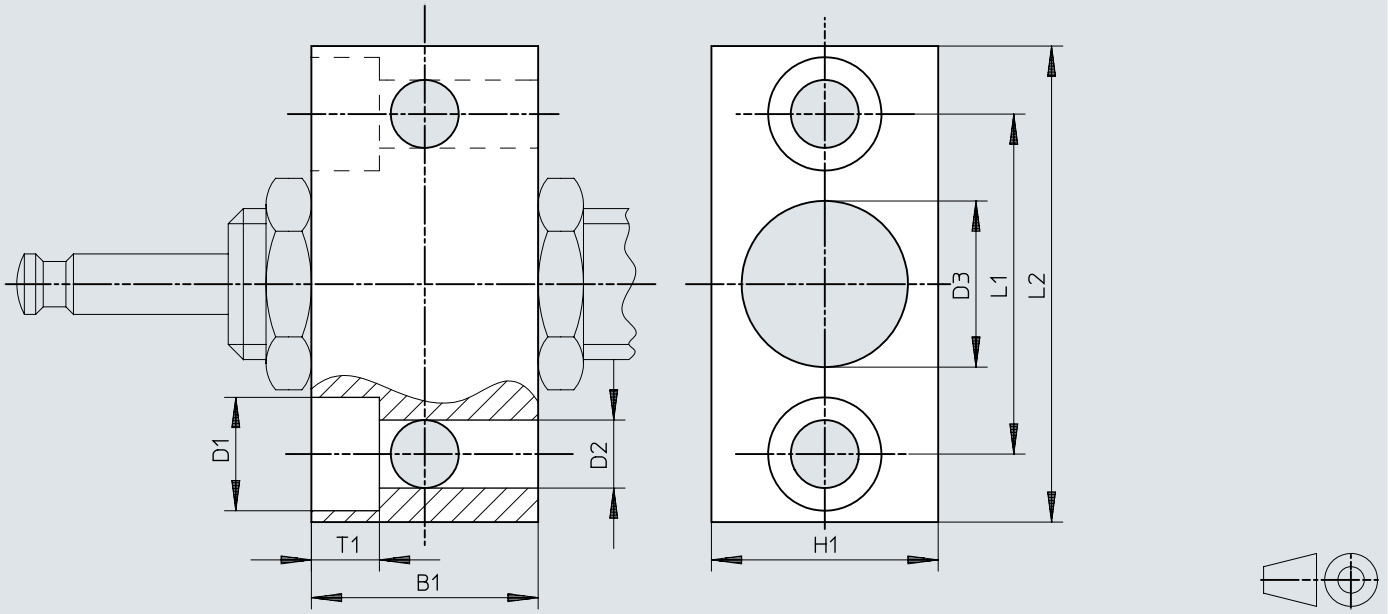


	B1	B2	D1	D2	D3	H1	L1	L2
YSRF-12	25	6,8	11	6,6	15,2	25	36	50
YSRF-16	30	9	15	9	20,2	30	45	63
YSRF-20	36	11	18	11	24,2	36	56	78
YSRF-25	45	13	20	13,5	30,2	45	63	86
YSRF-32	55	15	24	15,5	37,2	55	80	108

Kích thước

Kích thước – Đồ gá mặt bích YSRF-...-C

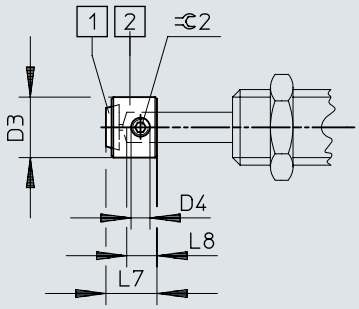
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	B2	D1	D2	D3	H1	L1	L2
YSRF-8-C	20	5,5	10	5,5	12,2	20	28	41
YSRF-12-C	25	6,8	11	6,6	16,2	25	36	50
YSRF-16-C	32	9	15	9	22,2	32	45	63
YSRF-20-C	40	11	18	11	26,2	40	56	78

Kích thước

Kích thước – Bộ đệm YSRP Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



[1] Tấm polyurethane
[2] Bộ đệm

	D3	D4	L7	L8	⫧ 2
YSRP-8	8	M2	6,7	4	0,9
YSRP-12	12	M4	10	6	2
YSRP-16	16	M5	13,5	8	2,5
YSRP-20	20	M6	17	10	3
YSRP-25	25	M8	20,5	12	4
YSRP-32	32	M8	26	15	4

Thông tin đặt hàng

DYSR



Kích thước	Hành trình	Đệm	Số bộ phận	Loại
8	8 mm	có thể điều chỉnh	**1138641**	**DYSR-8-8-Y5**
12	12 mm		**1138642**	**DYSR-12-12-Y5**
16	20 mm		**1138644**	**DYSR-16-20-Y5**
20	25 mm		**1138646**	**DYSR-20-25-Y5**
25	40 mm		**1138648**	**DYSR-25-40-Y5**
32	60 mm		**1138649**	**DYSR-32-60-Y5**

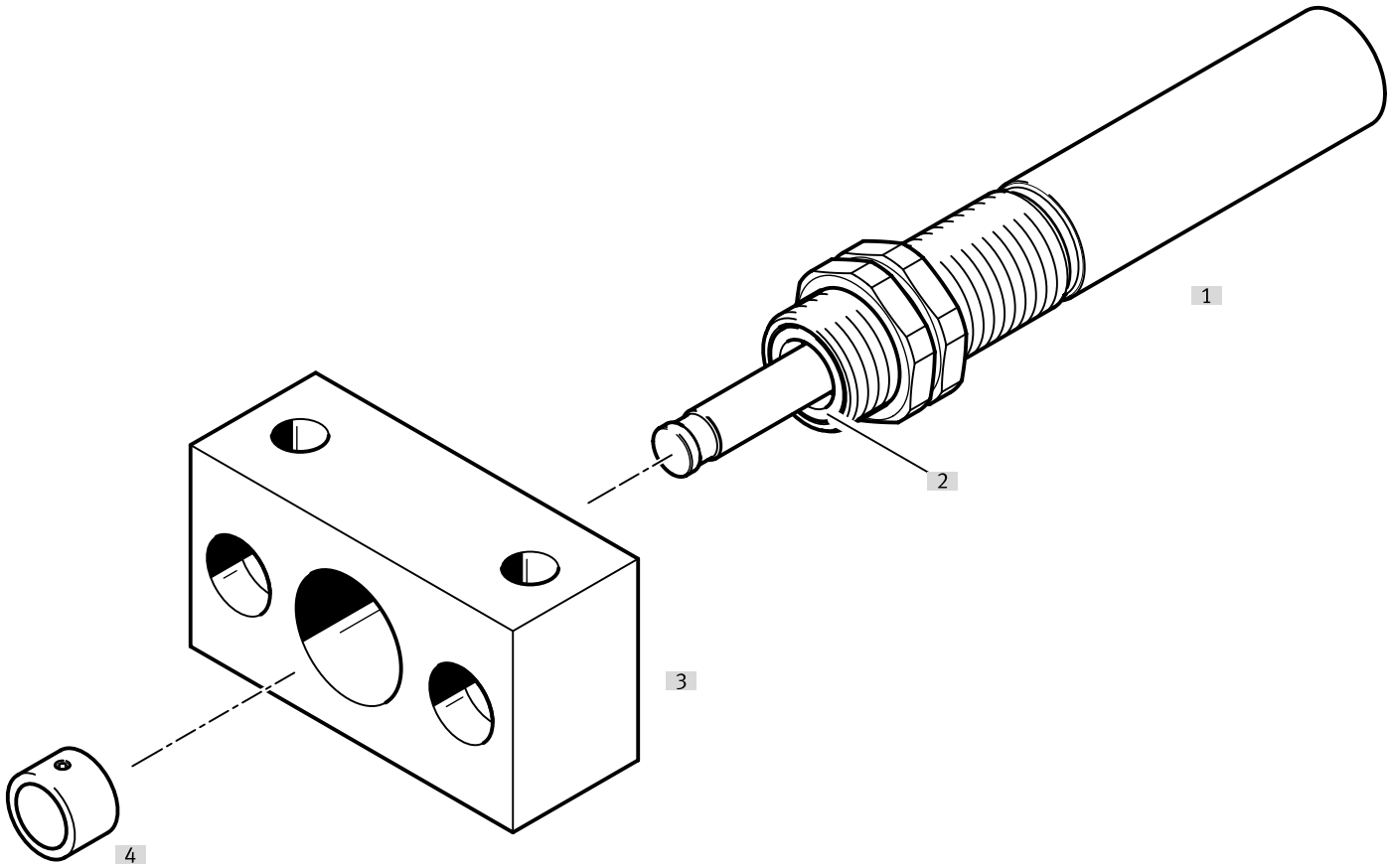
DYSR-...-T



Kích thước	Hành trình	Đệm	Số bộ phận	Loại
12	12 mm	có thể điều chỉnh	**1138643**	**DYSR-12-12-Y5-T**
16	20 mm		**1138645**	**DYSR-16-20-Y5-T**
20	25 mm		**1138647**	**DYSR-20-25-Y5-T**

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

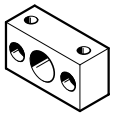
Tổng quan về thiết bị ngoại vi DYSR



Phụ kiện			→ Trang/Internet
	Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1]	Bộ giảm chấn DYSR	Bộ giảm chấn thủy lực với đặc tính giảm chấn có thể điều chỉnh	dysr
[2]	Cần gạt/Cần piston được tôi cứng	Cần gạt và cần piston được tôi cứng giúp tăng tuổi thọ đáng kể. - Cần gạt: từ kích thước 12 (Ngăn bụi bẩn xâm nhập). - Cần piston được tôi cứng: từ kích thước 16 (bảo vệ chống trầy xước).	dysr
[3]	Đồ gá mặt bích YSRF	Tùy chọn lắp cho bộ giảm chấn	14
[4]	Bộ đệm YSRP	Để bảo vệ cần piston	14

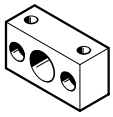
Phụ kiện

Đỡ gá mặt bích YSRF



Kích thước	Vật liệu vỏ	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
8	Thép, mạ kẽm	90 g	**34575**	**YSRF-8-C**
12		175 g	**11682**	**YSRF-12**
16		300 g	**11683**	**YSRF-16**
20		535 g	**11684**	**YSRF-20**
25		895 g	**11685**	**YSRF-25**
32		1.730 g	**11686**	**YSRF-32**

Đỡ gá mặt bích YSRF cho DYSR-...-T



Kích thước	Vật liệu vỏ	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
12	Thép, mạ kẽm	180 g	**34576**	**YSRF-12-C**
16		330 g	**34577**	**YSRF-16-C**
20		700 g	**34578**	**YSRF-20-C**

Bộ đệm YSRP



Kích thước	Vật liệu vỏ	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
8	Thép, mạ kẽm	5 g	**539638**	**YSRP-8**
12		7 g	**11133**	**YSRP-12**
16		15 g	**11134**	**YSRP-16**
20		27 g	**11135**	**YSRP-20**
25		52 g	**11136**	**YSRP-25**
32		110 g	**11137**	**YSRP-32**

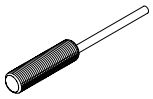
giám sát bằng cảm biến khoảng cách SOIA

Dùng để giám sát ứng dụng và tình trạng của các phần tử giảm chấn. Cho phép thực hiện bảo trì dự đoán và nâng cao độ tin cậy cũng như độ chính xác.

Có thể giám sát các thông số sau:
- Tốc độ va chạm
- Vị trí cuối
- Năng lượng hấp thụ
- Năng lượng dư
- Dự trữ giảm chấn

Phụ kiện

Cảm biến khoảng cách SOIA, cảm ứng **liên kết soia**



Loại cài đặt	Dải đo quãng đường	Đầu ra chuyển mạch	Cổng nối điện	Số bộ phận	Loại
khít	0 ... 2 mm	PNP/NPN có thể chuyển đổi, Đẩy-kéo	Đầu mở	**8161194**	**SOIA-M8PB-PNLK-LE**
	0 ... 4 mm			**8161198**	**SOIA-M12PB-PNLK-LE**
không khít				**8161196**	**SOIA-M8PNB-PNLK-LE**
	0 ... 7 mm			**8161200**	**SOIA-M12PNB-PNLK-LE**